TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 15/5/2023
V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất,
Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lệ.

Ông Nguyễn Đắc Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 25/3/2019 về việc tranh chấp *"Quyền sử dụng đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bùi Thị T, sinh năm 1958; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn:*
Luật sư Lê Thành Đ – thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; (có mặt)
Địa chỉ: Số E, N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã H;
Đại diện theo pháp luật: Trần Quốc T1 – Chức vụ: Chủ tịch;
Đại diện ủy quyền: Đoàn Văn P – Cán bộ địa chính; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bùi Văn H, sinh năm 1944;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bùi Thị T2, sinh năm 1946;
Địa chỉ: Lô A, chung cư T, đường T, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Thị Đ1, sinh năm 1951;
Địa chỉ: Số B, đường Â, Phường B, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Bùi Văn T3, sinh năm 1953;
Bùi Thị X, sinh năm 1953;
Bùi Thị M, sinh năm 1959;
Đại diện theo ủy quyền của T2, Đ1, H, M, T3, Xương:
Bùi Thị T, sinh năm 1958; (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn T4, sinh năm 1984; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Phạm Lê Quế A, sinh năm 1994; (có văn bản xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số A, Ô, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh T; (vắng mặt)
Địa chỉ: Số B, đường C, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

**. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Ủy ban nhân dân tỉnh T:*
Võ Thành Đ2 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; (có văn bản xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số C, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Nguyên đơn Bùi Thị T trình bày:* Cha mẹ bà T là ông Bùi Văn L (chết năm 1974) và bà Lê Thị D (chết năm 1970), có 07 người con bao gồm: Bùi Văn H, Bùi Thị T2, Bùi Thị Đ1, Bùi Văn T3, Bùi Thị X, Bùi Thị M và Bùi Thị T;

Năm 1969, ông nội bà T có cho cha mẹ bà T hơn 02 ha đất, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Trong chính sách của chế độ cũ thì ông L, bà D chỉ quản lý sử dụng khoảng 01 ha đất;

Sau năm 1975, anh chị em bà T có cho ông Bùi Văn T5 (chết năm 1982) và bà Lê Thị B (chết năm 1991) ở tạm trên trên toàn bộ thửa đất trên;

Trong quá trình quản lý, sử dụng ông T5, bà B có chuyển nhượng cho người khác một phần đất nên diện tích đất ông T5, bà B quản lý còn khoảng 4.700m^2;

Năm 1979, Ủy ban nhân dân huyện C trưng dụng khoảng 1.000m^2 để giao cho Phòng lương thực huyện C xây dựng kho chứa lúa (có Quyết định trưng dụng của Ủy ban nhân dân huyện C). Trong quá trình trưng dụng Nhà nước có cấp cho bà B 1.000m^2 để làm kinh tế phụ, nguồn gốc đất này là đất ruộng mà gia đình bà T đưa vào hợp tác xã;

Năm 1990, mục đích trưng dụng không còn thì Ủy ban nhân dân huyện C phải trả lại phần đất này cho gia đình bà T mà giao cho Công an huyện C xây dựng nhà máy X1 lúa, nên bà T đã kiện đòi lại đất từ năm 1992 cho đến nay nhưng không được các cơ quan có chức năng xem xét, giải quyết;

Năm 1993, Công an huyện C bán toàn bộ nhà máy X1 lúa cho Công ty dịch vụ Thương mại huyện C quản lý, sử dụng, đến năm 1998, Công ty dịch vụ Thương mại huyện C tiếp tục chuyển nhượng toàn bộ nhà máy xay lúa cho người khác và được tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất nên còn lại phần đất trống;

Năm 1998, bà T quản lý, sử dụng phần đất này, bà T tiếp tục cho ông Nguyễn Văn T4 thuê phần đất trên khoảng năm 2006, trong thời gian này bà T tiếp tục khiếu nại, đến năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 77/UBND ngày 25/01/2008 trả lời cho bà T biết là phần đất này Ủy ban nhân dân huyện C đã giao cho Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2004 thuộc thửa số 943, tờ bản đồ số 01, diện tích 924 m^2;

Bà Bùi Thị T yêu cầu: Công nhận phần đất có diện tích là 924m^2, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 943, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của bà T;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số và sổ cấp giấy chứng nhận: T.000168.QSDĐ/3845/T.UBND ngày 23/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho Ủy ban nhân dân xã H đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**. Đại diện ủy quyền của bị đơn Trần Tấn K trình bày:* Ủy ban nhân dân xã H đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số và sổ cấp giấy chứng nhận: T.000168.QSDĐ/3845/T.UBND ngày 23/9/2004, thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang là đúng theo quy định của pháp luật đất đai;

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Ủy ban nhân dân xã H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C, Tại công văn số 2663/UBND-NC của Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Phần đất 1.000m^2 đất ruộng đã hoán đổi cho bà Lê Thị B năm 1979, khi Nhà nước cấp đổi cho bà Lê Thị B 1.000m^2 đất ruộng thì gia đình bà B đã giao cho ông Bùi Văn T3 sử dụng và ông T3 đã thỏa thuận đổi cho ông Nguyễn Văn Đ3. Hiện tại, ông Nguyễn Văn Đ3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Hồ sơ trưng dụng thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được trưng dụng từ năm 1979, trụ sở Ủy ban nhân dân huyện C xây dựng mới, trong quá trình sắp xếp hồ sơ đã làm thất lạc hồ sơ trưng dụng thửa đất của bà Lê Thị B;

Theo kế hoạch sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã H thì thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang không đưa vào quy hoạch các hạng mục công trình nên Ủy ban nhân dân xã H xin bán đấu giá thửa đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt tại công văn số 2498/UBND ngày 10/5/2007.

Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý theo yêu cầu của bà Bùi Thị T.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:*

Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của ông Bùi Văn T5 và bà Lê Thị B. Ông T5 chết năm 1982, bà B chết năm 1991 ;

Năm 1979, Ủy ban nhân dân huyện C trưng dụng phần đất trên giao cho Phòng lương thực huyện C quản lý để xây dựng kho chứa lúa. Khi Ủy ban nhân huyện C trưng dụng phần đất trên thì có giao cho bà B 1.000m^2 đất ruộng để canh tác nhưng bà B không trực tiếp sử dụng, canh tác mà giao cho ông Bùi Văn T3 quản lý, sử dụng, phần đất này có nguồn gốc là bà B1 đã đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp quản lý;

Phòng lương thực huyện C quản lý, sử dụng phần đất nêu trên đến năm 1993 thì bàn giao cho Công an huyện C xây dựng nhà máy X1 lúa. Ngày 29/6/1993, Công an huyện C chuyển nhượng nhà máy X1 lúa cho quản lý, sử dụng. Ngày 28/4/1998, Công ty dịch vụ thương mại huyện C, Công ty dịch vụ thương mại huyện C có đề nghị bán thiết bị nhà máy xay lúa nói trên còn mặt bằng thì giao lại cho Phòng tài chính – vật giá huyện C quản lý và được Ủy ban nhân dân huyện C chấp nhận ngày 05/5/1998 và được Ủy ban nhân dân tỉnh tiền G phê duyệt tại văn bản số 963/UB ngày 07/7/1998;

Năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.000168.QSDĐ/3845/T.UBND ngày 23/9/2004, thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho Ủy ban nhân xã H;

Đối với yêu cầu của bà T là không có cơ sở.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 23/7/2020 của ông Nguyễn Văn T4: Ông có thuê đất của bà Bùi Thị T, ông không có liên quan gì đến tranh chấp giữa bà T và Ủy ban nhân xã H nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo văn bản ngày 31/3/2023 của chị Phạm Lê Quế A: Chị xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Công nhận phần đất có diện tích là 924m^2, thuộc tờ bản đồ số 01, thửa đất số 943, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng của bà T; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số và sổ cấp giấy chứng nhận:

T.000168.QSDĐ/3845/T.UBND ngày 23/9/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho Ủy ban nhân dân xã H đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn; Việc bà T cho chị Quế A thuê phần đất của bà T là nơi tập kết đất sang lắp mặt bằng thì có đổ tràng quan phần đất đang tranh chấp và sau đó chị Quế A sẽ vận chuyển đi nên Ủy ban xã H không có tranh chấp với chị Quế A, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn đưa ra nhiều luận cứ cho rằng nguồn gốc đất này không thuộc quyền của bà B và ông T5 mà là của cha, mẹ và các anh chị em của bà T cho bà B quản lý sử dụng trước năm 1975, sau khi rã hợp tác xã thì phải trả lại cho gia đình bà T vì đây là đất trưng dụng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã H là không đúng, bà T không có ký giáp ranh nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ủy ban nhân dân xã H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân Sự; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Các đương sự có mặt, phiên tòa vẫn tiến hành theo quy định.

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc Ủy ban nhân dân xã H trả lại phần đất 924m^2 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ủy ban nhân dân xã H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn Bùi Thị T, bị đơn là Ủy ban nhân dân xã H và các chứng cứ thu thập thì:

Về nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc là của

ông Bùi Văn T5 và bà Lê Thị B. Ông T5 chết năm 1982, bà B chết năm 1991. Năm 1979, Ủy ban nhân dân huyện C trưng dụng phần đất trên giao cho Phòng lương thực huyện C quản lý để xây dựng kho chứa lúa. Khi Ủy ban nhân huyện C trưng dụng phần đất trên thì có giao cho bà B 1.000m^2 đất ruộng để canh tác nhưng bà B không trực tiếp sử dụng, canh tác mà giao cho ông Bùi Văn T3 quản lý, sử dụng, phần đất này có nguồn gốc là bà B đã đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp quản lý;

Phòng lương thực huyện C quản lý, sử dụng phần đất nêu trên đến năm 1993 thì bàn giao cho Công an huyện C xây dựng nhà máy X1 lúa. Ngày 29/6/1993, Công an huyện C chuyển nhượng nhà máy X1 lúa cho quản lý, sử dụng. Ngày 28/4/1998, Công ty dịch vụ thương mại huyện C, Công ty dịch vụ thương mại huyện C có đề nghị bán thiết bị nhà máy xay lúa nói trên còn mặt bằng thì giao lại cho Phòng tài chính – vật giá huyện C quản lý và được Ủy ban nhân dân huyện C chấp nhận ngày 05/5/1998 và được Ủy ban nhân dân tỉnh tiền G phê duyệt tại văn bản số 963/UB ngày 07/7/1998;

Năm 2004, Ủy ban nhân dân tỉnh T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.000168.QSDĐ/3845/T.UBND ngày 23/9/2004, thửa đất số 943, tờ bản đồ số 1, có diện tích là 924m^2, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho Ủy ban nhân xã H;

Đối với lời trình bày của bà T: *"Cha mẹ bà T là ông Bùi Văn L (chết năm 1974) và bà Lê Thị D (chết năm 1970), có 07 người con bao gồm: Bùi Văn H, Bùi Thị T2, Bùi Thị Đ1, Bùi Văn T3, Bùi Thị X, Bùi Thị M và Bùi Thị T;*

Năm 1969, ông nội bà T có cho cha mẹ bà T hơn 02 ha đất, tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Trong chính sách của chế độ cũ thì ông L, bà D chỉ quản lý sử dụng khoảng 01 ha đất;

Sau năm 1975, anh chị em bà T có cho ông Bùi Văn T5 (chết năm 1982) và bà Lê Thị B (chết năm 1991) ở tạm trên trên toàn bộ thửa đất trên;

Trong quá trình quản lý, sử dụng ông T5, bà B có chuyển nhượng cho người khác một phần đất nên diện tích đất ông T5, bà B quản lý còn khoảng 4.700m^2;

Bà T cho rằng thửa đất 943 cấp cho ủy ban nhân dân xã H nằm trong thửa đất 944 của bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

Lời trình bày này của bà T không có cơ sở, bởi vì đất thuộc sở hữu toàn dân, Nhà Nước đại diện quản lý, ngày 30/4/1975, thống nhất đất nước, bà B, ông T5 là người trực tiếp quản lý, canh tác sử dụng phần đất, còn việc thỏa thuận giữa gia đình bà T về việc phần đất đang chấp là gia đình bà T để lại cho bà B, ông T5 quản lý sử dụng trước năm 1975 là không có căn cứ;

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã H, sơ đồ dãy thửa thì thửa đất cấp cho bà T thuộc thửa 944, có diện

tích là 4.700m^2 và thửa 943, có diện tích là 1.220m^2 thực đo là 706m^2 là hai thửa hoàn toàn khác nhau, không bị cấp chồng lấn như lời trình bày của bà T.

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai *"Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và N";*

Căn cứ vào điểm a tiểu mục 2.4, mục 2, phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình:

"2.4. Giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất trong trường hợp đất đã được đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã mà sau đó tập đoàn sản xuất, hợp tác xã đã bị giải thể.

Đối với đất đã được cá nhân, tổ chức đưa vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã để sử dụng chung trong quá trình thực hiện chính sách hợp tác hoá nông nghiệp mà sau khi tập đoàn sản xuất, hợp tác xã bị giải thể thì căn cứ vào quy định tại Điều 1 của Luật Đất đai năm 1987, khoản 2 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 cần phân biệt như sau:

a) Chủ cũ hoặc người thừa kế của người đó không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất nếu đất đó đã được giao cho người khác sử dụng và họ đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, trừ trường hợp có căn cứ chứng minh người đang sử dụng đất đó có hành vi gian dối, lừa đảo... để được giao quyền sử dụng đất.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của Bà Bùi Thị T không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

[3] Các đương sự không có yêu cầu xem xét chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với anh Nguyễn Văn T4, chị Phạm Lê Quế A không có yêu cầu độc lập với nguên đơn, bị đơn và nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu gì đối với anh Nguyễn Văn T4, chị Phạm Lê Quế A nên Hội đồng xét xử ko6ng đặt ra xem xét;

Đối với luận cứ mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Đối với đề nghị của Đại diện viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; Luật đất đai; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014751 ngày 19/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 15 tháng 5 năm 2023, có mặt anh P, các đương sự khác vắng mặt.

. Nơi nhận:
TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Vĩnh Hữu